

Bản án số: 129/2021/DS-ST

Ngày: 27 tháng 9 năm 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHIÊNỐ BẮC GIANG
Với thành phiên nhân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Tư và bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phiênố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phiênố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phiênố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXX-ST ngày 03/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: số nhà 122, đường Đào Thục Viên, khu đất mới Song Khê, thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phiênố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

* *Bị đơn:*

1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 25 đường Võ Nguyên Giáp, thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phiênố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Ông Hoàng V Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phiênố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào tháng 6/2016 (khi đó ông Quyết và bà H chưa ly hôn) bà H có cho bà H vay số tiền là 120.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/6/2016 vay số tiền 100.000.000đ.

Lần 2: Ngày 15/9/2016 vay số tiền 12.000.000đ.

Lần 3: Ngày 01/02/2017 vay số tiền 5.000.000đ.

Lần 4: Ngày 06/3/2017 vay số tiền 3.000.000đ.

Khi cho vay giữa bà H và bà H không lập hợp đồng bằng văn bản nH bà H có ghi chép vào sổ và được bà H ký xác nhận. Lãi suất hai bên thỏa thuận bên ngoài là theo lãi suất ngân hàng là 0,75%/tháng nH chưa trả bà H được một đồng tiền lãi nào.

Quá trình vay bà H đã trả bà H được 91.000.000đ. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/12/2016 trả 10.000.000đ.

Lần 2: Ngày 02/4/2017 trả 40.000.000đ.

Lần 3: Ngày 09/8/2017 trả 10.000.000đ.

Lần 4: Ngày 02/11/2017 trả 3.000.000đ.

Lần 5: Ngày 16/12/2019 trả 5.000.000đ.

Lần 6: Ngày 16/01/2020 trả 5.000.000đ.

Lần 7: Ngày 10/7/2020 trả 5.000.000đ.

Lần 8: Ngày 15/8/2020 trả 5.000.000đ.

Lần 9: Ngày 07/5/2021 trả 2.000.000đ.

Lần 10: Ngày 16/5/2021 trả 4.000.000đ.

Lần 11: Ngày 13/6/2021 trả 2.000.000đ.

Tổng cộng: 91.000.000đ.

Còn lại 29.000.000đ tiền gốc vay bà H chưa trả được.

Ngày 06/7/2017 bà H cho vợ chồng ông Quyết và bà H vay số tiền 35.000.000đ để sửa nhà. Khi vay, hai vợ chồng ông Quyết và bà H cùng hỏi vay. Bà H đưa tiền vay cho cả hai vợ chồng. Khi vay hai bên viết giấy vay nợ bằng văn bản, không thỏa thuận ngày trả và không thỏa thuận lãi suất.

Nay vợ chồng ông Quyết và bà H đã ly hôn, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Quyết và bà H phải trả cho bà H số tiền ông Quyết và bà H nợ chung là 35.000.000đ. Cụ thể: mỗi người trả một 1/2 là 17.500.000đ.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị H trả lại cho bà H số tiền gốc vay riêng là 29.000.000đ.

Do ngày 06/7/2017 bà H cho ông Quyết và bà H vay số tiền 35.000.000đ nH không có viết giấy vay. Quá trình giải quyết vụ án bà H nhận được thông báo thụ lý nH không có ý kiến trình bày. Ngày 17/9/2021 bà H làm đơn xin rút một phiên bản yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền buộc bà H phải trả 17.500.000đ tiền vay chung. Bà H giữ nguyên yêu cầu ông Quyết phải trả. Cụ thể:

Bà H phải trả tổng cộng: 29.000.000đ.

Ông Quyết phải trả 17.500.000đ.

Bà H không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Dương Thị H nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đối chất, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nH vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

Bị đơn ông Hoàng V Q vắng mặt tại phiên tòa nH có lời khai trình bày:

Việc bà H cho bà H vay tiền 120.000.000 không liên quan tới ông Quyết. Bởi vì khi vay bà H không bàn bạc gì với ông Quyết. Số tiền vay được bà H không

thông báo cho ông Quyết biết và bà H cũng không sử dụng tiền vay vào việc chung của hai vợ chồng. Sau này khi bà H đến đòi thì ông Quyết mới được biết. Còn đối với số tiền 35.000.000đ vay ngày 06/7/2017 thì đây là vay chung nên ông Quyết xác định là nợ chung nên ông Quyết đồng ý chia đôi số nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phiênát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phiênát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Dương Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Buộc ông Hoàng V Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà H và ông Quyết phải chịu án phí theo qui định. Bà H không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Hoàng Thị H được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ nhH vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về số tiền gốc vay:

Khi cho vay giữa bà H và bà H không lập hợp đồng bằng văn bản nH bà H có ghi chép vào sổ và được ông Quyết và bà H ký xác nhận. Tòa có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ và ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nH, bà H không đến tòa án theo như triệu tập của Tòa án và không nộp cho Tòa án ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Căn cứ vào tài liệu do bà H xuất trình có chữ ký của bà H thì bà H và bà H đã chót nợ bà H có vay của bà H số tiền 120.000.000đ, đã trả 91.000.000đ, còn lại 29.000.000đ tiền gốc vay bà H chưa trả được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà H phải trả cho bà H số tiền gốc vay là 29.000.000đ.

Đối với số tiền 35.000.000đ bà H cho vợ chồng ông Quyết và bà H vay. Ông Quyết thì thừa nhận có vay nH là vay để sửa quán cho H bán hàng. Do bà H không thừa nhận nên bà H đã rút yêu cầu trả 17.500.000đ đối với bà H. Ông Quyết thì thừa nhận còn nợ số tiền 17.500,000đ nên cần buộc ông Quyết phải trả cho bà H số tiền này.

[6] Về lãi suất:

Bà H không yêu cầu trả lãi.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là phiênù hợp.

[8] Về án phíán dân sự sơ thẩm: Bà H và ông Quyết phải chịu án phíán dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận. Bà H không phải chịu án phíán, Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phíán đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phíán, lệ phíán Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Dương Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Buộc ông Hoàng V Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay là 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng V Q phải chịu 875.000đ (*Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 1.162.000đ (*Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2018/0002465 ngày 11/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHIÊNÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán án - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường